

**TOÀ ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN A
TỈNH NGHỆ AN**

Bản án số: 06/2020/DS-ST

Ngày 26/5/2020

*V/v “Tranh chấp hợp đồng
vay tài sản”.*

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN A, TỈNH NGHỆ AN**

Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

- *Thẩm phán - Chủ tọa phiên toà: Bà Hoàng Thị Lệ Hằng*
- *Hội thẩm nhân dân: Ông Đặng Quang Tân và bà Nguyễn Thị Thúy Hằng*
- *Thư ký ghi biên bản phiên toà: Bà Nguyễn Thị Thu Hà – Cán bộ Tòa án nhân dân huyện A, tỉnh Nghệ An.*
- *Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện A tham gia phiên toà: Bà Ngô Thị Loan - Kiểm sát viên.*

Ngày 26/5/2020, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện A xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số: 86/2019/TLST-DS ngày 26 tháng 12 năm 2019 về việc “Tranh chấp hợp đồng vay tài sản” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 03/2020/QĐST – DS ngày 13/5/2020, giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn: Chị Nguyễn Thị T – Sinh năm: 1983*

Nơi cư trú: Tổ dân phố 4 (Khối 6A cũ), thị trấn A, huyện A, tỉnh Nghệ An – Có mặt.

- *Bị đơn: - Chị Nguyễn Thị H – Sinh năm: 1967*

- *Anh Nguyễn Văn H – Sinh năm: 1966*

Cùng nơi cư trú: Tổ dân phố 3 (Khối 4B cũ), thị trấn A, huyện A, tỉnh Nghệ An – Vắng mặt (Có đơn xin vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN

Theo nội dung đơn khởi kiện, những lời khai trong quá trình tố tụng và tại phiên toà hôm nay nguyên đơn chị Nguyễn Thị T trình bày:

Ngày 17/01/2019 vợ chồng anh Nguyễn Văn H và chị Nguyễn Thị H có vay của chị Nguyễn Thị T số tiền 150.000.000 đồng (Một trăm năm mươi triệu đồng) và ngày 27/3/2019 vợ chồng anh H chị H vay tiếp số tiền 80.000.000 đồng (Tám mươi triệu đồng) nhằm mục đích để đảo khế ngân hàng. Thời hạn trả cả gốc và lãi suất là 1 tháng kể từ ngày vay tiền. Tổng cộng 2 lần anh H và chị H vay chị T số tiền là 230.000.000 đồng (Hai trăm ba mươi triệu đồng). Trong số tiền vay ngày 27/3/2019,

chị H đã trả được 70.000.000 đồng (Bảy mươi triệu đồng), còn nợ 10.000.000 đồng (Mười triệu đồng). Nay vợ chồng anh Nguyễn Văn H và chị Nguyễn Thị H còn nợ chị T số tiền là 160.000.000 đồng (Một trăm sáu mươi triệu đồng). Mặc dù đã quá hạn trả nợ, chị T đã đòi nhiều lần nhưng vợ chồng anh H và chị H vẫn không trả nợ cho chị T. Nay chị T yêu cầu Tòa án buộc vợ chồng anh Nguyễn Văn H và chị Nguyễn Thị H trả cho chị Nguyễn Thị H số tiền nợ gốc là 160.000.000 đồng (Một trăm sáu mươi triệu đồng) và tiền lãi suất từ ngày 27/3/2019 đến nay, với mức lãi suất là 1,66%/tháng.

Tại phiên tòa, chị Nguyễn Thị H và anh Nguyễn Văn H vắng mặt nhưng trong quá trình giải quyết vụ án, chị Nguyễn Thị H trình bày: Hiện nay vợ chồng chị Nguyễn Thị H và anh Nguyễn Văn H đang nợ chị Nguyễn Thị T 160.000.000 đồng (Một trăm sáu mươi triệu đồng) tiền gốc, vay từ tháng 01/2019, hẹn 1 tháng trả. Nhưng do vợ chồng chị H làm ăn gặp khó khăn, chị H bị bệnh cả năm nên chưa có tiền trả cho chị T. Nay chị T yêu cầu vợ chồng chị Nguyễn Thị H và anh Nguyễn Văn H trả cho chị Nguyễn Thị T số tiền nợ gốc là 160.000.000 đồng (Một trăm sáu mươi triệu đồng) và tiền lãi suất 1,66%/tháng từ ngày 17/01/2019 đến nay thì vợ chồng chị H đồng ý trả theo quy định của pháp luật.

Riêng anh Nguyễn Văn H vắng mặt trong suốt quá trình giải quyết vụ án nên không có ý kiến.

Tại phiên Tòa đại diện viện kiểm sát phát biểu ý kiến về việc tuân theo pháp luật tố tụng và phát biểu ý kiến về việc giải quyết vụ án như sau:

- Về việc tuân theo pháp luật: Thẩm phán, Hội đồng xét xử và thư ký đã thực hiện đúng quy định và trình tự tố tụng theo quy định của Luật tố tụng dân sự. Nguyên đơn, thực hiện nghiêm túc quyền và nghĩa vụ của mình trong suốt quá trình điều tra, hòa giải và xét xử. Bị đơn có đơn xin vắng mặt nên căn cứ b khoản 2 điều 227 và khoản 3 điều 228 BLTTDS xét xử vắng mặt.

- Về việc giải quyết vụ án: Đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng: Điều 274, điều 280, điều 463, điều 466, điều 468 Bộ luật dân sự; Điểm b khoản 2 điều 227, khoản 3 điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự; Khoản 2 điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn. Buộc chị Nguyễn Thị H và anh Nguyễn Văn H trả cho chị Nguyễn Thị T số tiền nợ gốc là 160.000.000 đồng (Một trăm sáu mươi triệu đồng) và tiền lãi suất; Về án phí: Buộc bị đơn phải chịu án phí theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào lời khai của nguyên đơn tại phiên tòa. Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thủ tục tố tụng: Trong quá trình giải quyết vụ án, Tòa án đã tổng đạt hợp lệ thông báo thụ lý vụ án, các tài liệu chứng cứ và các văn bản tố tụng khác của chị Nguyễn Thị H và anh Nguyễn Văn H nhưng chị H và anh H vẫn không có mặt tại Tòa án để tham gia tố tụng. Nên vụ án không tiến hành hòa giải được thuộc trường hợp quy định tại khoản 4 điều 207 BLTTDS. Sau khi Tòa án tiến hành họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải thì ngày 05/3/2020 chị Nguyễn Thị H mới đến Tòa án để trình bày ý kiến. Tại phiên toà hôm nay, chị Nguyễn Thị H và anh Nguyễn Văn H có đơn đề nghị giải quyết vắng mặt nên Toà án tiến hành xét xử vắng mặt chị Nguyễn Thị H và anh Nguyễn Văn H theo quy định tại điểm b khoản 2 điều 227 và khoản 3 điều 228 BLTTDS là có căn cứ.

[2] Về nội dung vụ án:

Chị Nguyễn Thị T cho vợ chồng anh Nguyễn Văn H và chị Nguyễn Thị H vay 2 lần tiền: Lần 1 vào ngày 17/01/2019 cho vay số tiền 150.000.000 đồng (Một trăm năm mươi triệu đồng); Lần 2 vào ngày 27/3/2019 cho vay số tiền 80.000.000 đồng (Tám mươi triệu đồng). Thời hạn vay là 1 tháng kể từ ngày vay tiền trả cả gốc và lãi suất. Tổng cộng 2 lần chị T cho anh H và chị H vay số tiền là 230.000.000 đồng (Hai trăm ba mươi triệu đồng). Trong số tiền vay ngày 27/3/2019, chị Hải đã trả được 70.000.000 đồng (Bảy mươi triệu đồng), còn nợ 10.000.000 đồng (Mười triệu đồng). Nên vợ chồng anh Nguyễn Văn H và chị Nguyễn Thị H còn nợ chị T số tiền là 160.000.000 đồng (Một trăm sáu mươi triệu đồng). Mặc dù đã quá hạn trả nợ, chị T đã đòi nhiều lần nhưng vợ chồng anh H và chị H vẫn không trả nợ cho chị T. Nay chị T yêu cầu Tòa án buộc vợ chồng anh Nguyễn Văn H và chị Nguyễn Thị H trả cho chị Nguyễn Thị T số tiền nợ gốc là 160.000.000 đồng (Một trăm sáu mươi triệu đồng) và tiền lãi suất từ ngày 27/3/2019 đến nay, với mức lãi suất là 1,66%/tháng.

Trong quá trình giải quyết vụ án, chị Nguyễn Thị H đã thừa nhận vợ chồng chị H và anh H còn nợ chị T số tiền gốc là 160.000.000 đồng (Một trăm sáu mươi triệu đồng), tuy nhiên vợ chồng làm ăn gặp khó khăn, chị H bị bệnh nên chưa có trả cho chị T. Nay vợ chồng chị H đồng ý trả cho chị T số tiền nợ gốc là 160.000.000 đồng (Một trăm sáu mươi triệu đồng) với mức lãi suất là 1,66%/tháng kể từ ngày 17/01/2019.

Như vậy, số tiền vay, số tiền đã trả và số tiền còn nợ hai bên khai phù hợp nhau, không có tranh chấp nên không phải chứng minh theo quy định tại điều 92 Bộ luật TTDS là có căn cứ.

Vì vậy, có căn cứ xác định số tiền nợ gốc vợ chồng anh Nguyễn Văn H và chị Nguyễn Thị H còn nợ chị Nguyễn Thị T là 160.000.000 đồng (Một trăm sáu mươi triệu đồng). Mặc dù chị T đã hỏi rất nhiều lần nhưng chị H và anh H vẫn không trả. Nên cần buộc vợ chồng anh Nguyễn Văn H và chị Nguyễn Thị H trả cho chị Nguyễn Thị T số tiền nợ gốc là 160.000.000 đồng (Một trăm sáu mươi triệu đồng) theo quy định tại điều 466 Bộ luật Dân sự là có căn cứ.

[2.3] Về tiền lãi suất: Trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa chỉ Nguyễn Thị T yêu cầu vợ chồng anh Nguyễn Văn H và chị Nguyễn Thị H trả tiền lãi suất từ ngày 27/3/2019 đến nay, với mức lãi suất 1,66%/tháng. Trong Quá trình giải quyết vụ án, chị Nguyễn Thị H cũng đồng ý trả cho chị T tiền lãi suất theo yêu cầu của chị T nên cần chấp nhận. Vì vậy, cần buộc vợ chồng chị Nguyễn Thị H và anh Nguyễn Văn H trả cho chị Nguyễn Thị T số tiền lãi suất từ ngày 27/3/2019 đến ngày 26/5/2020 là 13 tháng 29 ngày, với mức lãi suất 1,66%/tháng, với số tiền là 37.095.000 đồng (Ba mươi bảy triệu, không trăm chín mươi lăm nghìn đồng).

Tổng cộng cả tiền gốc và tiền lãi suất chị Nguyễn Thị H và anh Nguyễn Văn H có nghĩa vụ trả cho chị Nguyễn Thị T là 197.095.000 đồng (Một trăm chín mươi bảy triệu, không trăm chín mươi lăm nghìn đồng).

[2.3] Về án phí: Chị Nguyễn Thị H và anh Nguyễn Văn H phải chịu án phí theo quy định của pháp luật với số tiền là 9.854.000 đồng (Chín triệu, tám trăm, năm mươi tư nghìn đồng). Trả lại cho chị Nguyễn Thị T số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 4.000.000 đồng (Bốn triệu đồng).

Ý kiến của Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện A, tỉnh Nghệ An về việc giải quyết vụ án là có căn cứ nên cần chấp nhận là đúng pháp luật.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH

Áp dụng: Điều 274, điều 280, điều 463, điều 466, điều 468, điều 470 Bộ luật dân sự; Điểm b khoản 2 điều 227, khoản 3 điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự; Khoản 2 điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH về án phí, lệ phí Tòa án.

Xử:

- Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị Nguyễn Thị T.

Buộc chị Nguyễn Thị H và anh Nguyễn Văn H có nghĩa vụ trả cho chị Nguyễn Thị T số tiền nợ gốc là: 160.000.000 đồng (Một trăm sáu mươi triệu đồng) và tiền lãi suất là 37.095.000 đồng (Ba mươi bảy triệu, không trăm chín mươi lăm nghìn đồng). Tổng cộng cả tiền gốc và tiền lãi suất là: 197.095.000 đồng (Một trăm chín mươi bảy triệu, không trăm chín mươi lăm nghìn đồng).

Kể từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật, người được thi hành án có đơn yêu cầu thi hành án. Nếu bên phải thi hành án chưa thực hiện xong nghĩa vụ phải thi hành thì hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu thêm khoản tiền lãi suất của số tiền còn phải thi hành án theo quy định tại khoản 2 điều 357 Bộ luật Dân sự tương ứng với thời gian chưa thi hành.

Về án phí:

- Chị Nguyễn Thị H và anh Nguyễn Văn H phải nộp 9.854.000 đồng (Chín triệu, tám trăm, năm mươi tư nghìn đồng) án phí dân sự sơ thẩm.

- Hoàn trả cho chị Nguyễn Thị T số tiền tạm ứng án phí là 4.000.000 đồng (Bốn triệu đồng) đã nộp theo biên lai số 0001916 ngày 25/12/2019 tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện A, tỉnh Nghệ An.

Về quyền kháng cáo: Nguyên đơn có quyền kháng cáo lên Tòa án nhân dân tỉnh Nghệ An trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Bị đơn có quyền kháng cáo lên Tòa án nhân dân tỉnh Nghệ An trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc ngày bản án được niêm yết tại nơi cư trú.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Nghệ An
- VKSND huyện A
- Các đương sự;
- Chi cục THADS huyện A
- Lưu HSV A+VPTA.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SỞ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Hoàng Thị Lệ Hằng

Nơi nhận:

- VKSND huyện Anh Sơn
- Các đương sự;
- Chi cục THADS huyện Anh Sơn
- Lưu HSVA+VPTA.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SỞ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Hoàng Thị Lệ Hằng

Nơi nhận:

- VKSND huyện Anh Sơn
- Các đương sự;
- Chi cục THADS huyện Anh Sơn
- Lưu HSVÀ+VPTA.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SỞ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Hoàng Thị Lệ Hằng

